

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ



MỤC LỤC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Giới thiệu chung
2. Quá trình hình thành phát triển kinh doanh
3. Ngành nghề kinh doanh, địa bàn
4. Sơ đồ tổ chức
5. Giới thiệu ban lãnh đạo
6. Thông tin vốn cổ phần và cổ đông
7. Định hướng phát triển 2020 - 2025
8. Các rủi ro

1 - 14

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính

15 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020
2. Kết quả đạt được 2020
3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo NQ của ĐHCĐ 2020
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

20 - 26

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá tình hình
2. Kết quả điều hành hoạt động năm 2020
3. Tổng kết các phiên họp và nghị quyết của HĐQT
4. Đánh giá của HĐQT về ban điều hành
5. Kế hoạch, định hướng năm 2021

27 - 35

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2020
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

36 - 38

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng
2. Bảo vệ môi trường
3. Chính sách liên quan đến người lao động

39 - 42

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

43 - 47





"Quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú gắn liền với truyền thống lịch sử phát triển của Ngành đường sắt. Tuy có những lúc thăng trầm, song nhìn chung mỗi thời kỳ là mỗi bước phát triển đi lên. Cho tôi xin phép được thay mặt CBCNV thế hệ hôm nay cảm ơn các thế hệ cha anh đi trước đã đặt nền móng để có được sự trưởng thành và phát triển ngày nay của Công ty"



GIỚI THIỆU CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ

Tên tiếng anh: VINH PHU RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: 12,295,790,000VNĐ

Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210 3910217

Fax: 0210 3910249

Email: duongsatvp@gmail.com

Website: <http://duongsatvinhphu.com>

Giấy chứng nhận ĐKKD: 2600109073

Mã cổ phiếu: DSV

Logo:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2020

Một năm đầy biến động của ngành đường sắt. Tuy nhiên công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú vẫn tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển.



Ngày 02/12/2016, giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đ/cp

2016

2015

Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú. Ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 2 số 2600109073 cho Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú



Từ tháng 06/2010, Công ty QLĐS Vĩnh Phú được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên QLĐS Vĩnh Phú theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2010

2003

Ngày 20/03/2003, Xí nghiệp QLĐS Vĩnh Phú đổi tên thành Công ty Quản lý Đường Sắt Vĩnh Phú

Tháng 05/1965, Tổng cục đường sắt ban hành QĐ số 1119Q Đ/TC thành lập 7 Đoạn quản lý Đường sắt. Công vụ đoạn Việt Trì đổi tên là Đoạn Quản lý đường sắt 6, phạm vi quản lý bao gồm: Tuyến đường sắt Việt Trì - Yên Viên - Thái Nguyên.

1965



Tiền thân là Công vụ đoạn Việt Trì thành lập ngày 22/11/1955 theo QĐ của Tổng cục Đường sắt 2127/QĐ-ĐS

1955



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của Công ty là duy trì và khai thác có hiệu quả hoạt động thi công xây lắp và sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đồng thời đẩy mạnh hoạt động đấu thầu thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt, kinh doanh sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính:

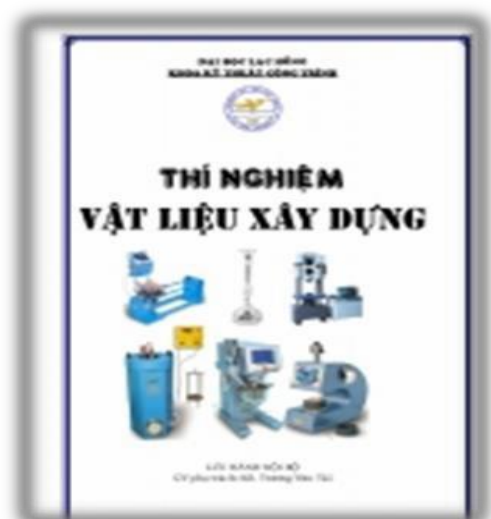
- Bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bao gồm: bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn các công trình đường sắt (theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng;



- Tham gia cứu chữa, cứu nạn sự cố xảy ra trên đường sắt, khắc phục bão lũ;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Sản xuất cấu kiện bê tông, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất các cấu kiện bằng kim loại...
- Tư vấn đầu tư xây dựng chuyên ngành;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;



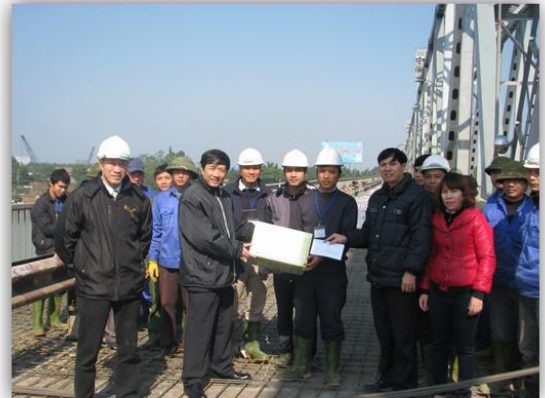
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



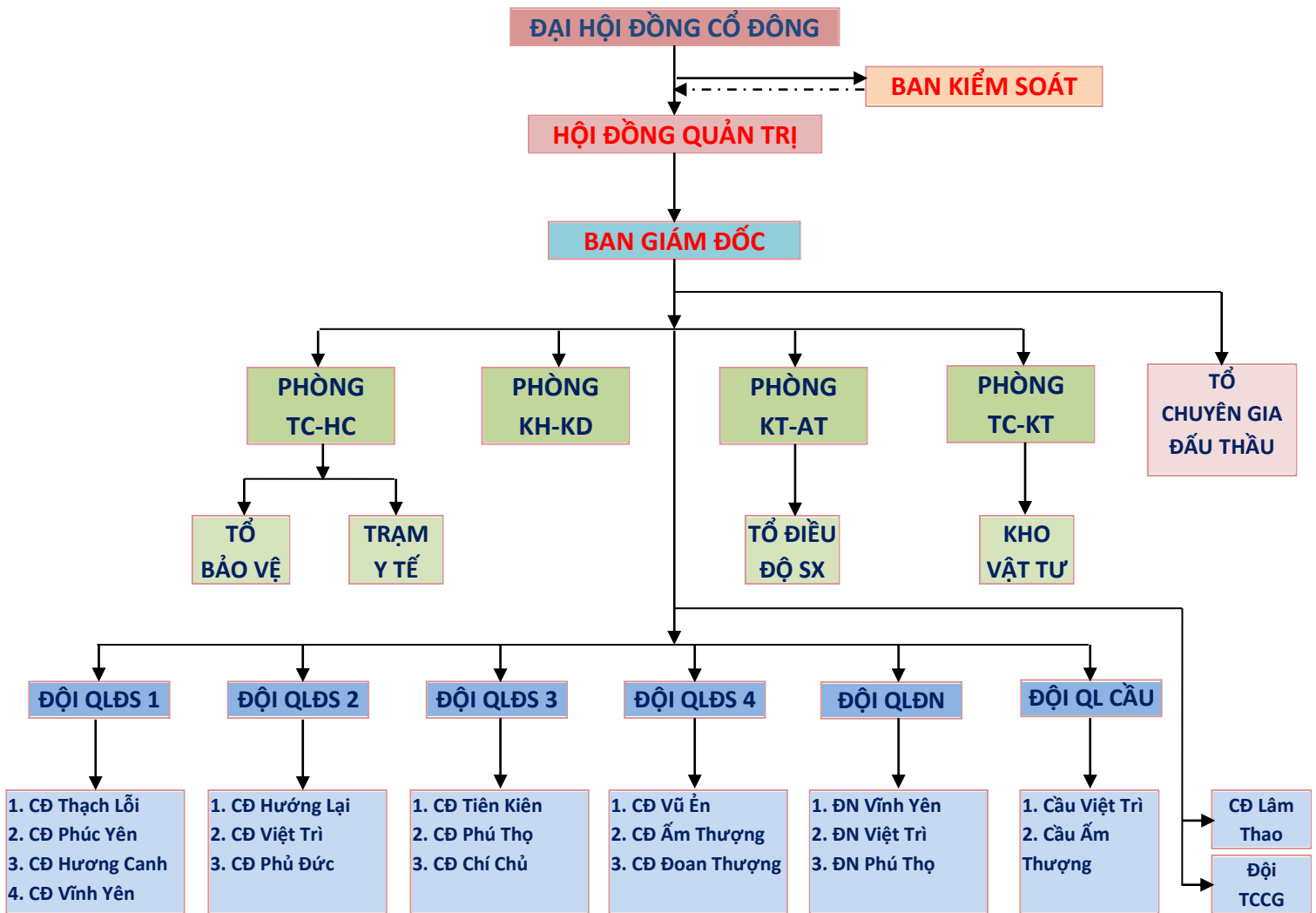
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm bằng đá.

Địa bàn kinh doanh:

Công ty đang phấn đấu mục tiêu củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2015-2020

Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1964

Số CMND: 130752211 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 07/11/2018

Quê quán: Xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Miếu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường



Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao thông vận tải Đường sắt. Ông đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng xây dựng, quản lý Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú ngày càng phát triển.

Số lượng cổ phần sở hữu: 219.860 cổ phần - Tỷ lệ: 17,88 %

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.543 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Trần Như Thăng – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 30/6/1962

Số CMND: 131012469 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 04/7/2019

Quê quán: Xã Văn Khê, huyện Mê Linh, tỉnh Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường



Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao thông vận tải Đường sắt và là người trực tiếp tham gia quản lý, điều hành và xây dựng Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú ngày càng phát triển.

Số lượng cổ phần sở hữu: 220.083 cổ phần - Tỷ lệ: 17,90 %

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 02/12/1966

Số CMND: 130813954 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 08/7/2008

Quê quán: Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Đường sắt



Số lượng cổ phần sở hữu: 2.563 cổ phần -Tỷ lệ: 0,21%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Hoàng Thị Thúy Hà	20/12/1973	Trưởng BKS	131056957	Cấp ngày 24/3/2015 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ	0,146%
2	Giang Tiến Duy	16/5/1981	Thành viên	131496941	Cấp ngày 01/3/2014 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Thọ Sơn, Việt Trì, Phú Thọ	0,063%
3	Nguyễn Thanh Tùng	15/07/1982	Thành viên	013347178	Cấp ngày 07/8/2010 tại CA tp. Hà Nội	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	0,076%

BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CMND	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Trần Như Thăng	30/6/1962	Giám đốc	131012469	Cấp ngày 04/7/2019 tại CA tỉnh Phú Thọ	Ph.Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	17,90%
2	Trần Ngọc Thăng	18/5/1963	Phó GD	135612016	Cấp ngày 12/4/2010 tại CA tỉnh Vĩnh Phúc	TT Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.	0%
3	Phạm Xuân Tú	02/7/1982	Phó GD	131239645	Cấp ngày 23/02/2004 tại CA tỉnh Phú Thọ	Ph.Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ.	0,06%
4	Lê Minh Trường	25/09/1980	Phó GD	135822450	Cấp ngày 01/03/2014 tại CA tỉnh Vĩnh Phúc	Ph.Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	0,07%

Ông Bùi Trọng Dũng – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 01/03/1970 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 1965 cổ phần - Tỷ lệ: 0,16%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

❖ *Cổ phần*

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã phát hành 1.229.579 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 1.229.579 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 1.229.579 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

❖ *Cơ cấu cổ đông của công ty*

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	196	1.229.579	12.295.790.000	100
1	Tổ chức trong nước	02	637.085	6.370.850.000	51,81
2	Cá nhân trong nước	173	592.494	5.924.940.000	48,19
II	Nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	196	1.229.579	12.295.790.000	100

❖ *Danh sách cổ đông lớn*

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	627.085	6.270.850.000	51%
Nguyễn Việt Anh	219.860	2.198.600.000	17,88%
Trần Như Thăng	220.083	2.200.830.000	17,90%
Tổng cộng	1.067.028	10.670.280.000	86,78%

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2025

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành giao thông.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức nhận thầu thi công trong đấu thầu các dự án lớn, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có, đồng thời có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra



giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
- Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.



RỦI RO

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú liên tục nhận diện và đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro và cập nhật nhanh chóng đến Ban điều hành và Hội đồng Quản trị. Những đánh giá và biện pháp quản trị kịp thời này giúp hạn chế các tác động tiêu cực đến việc hoàn thành kết quả hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của công ty

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về công bố thông tin	Thông tin công bố không đúng thời hạn và không đầy đủ, chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Xây dựng quy trình nội bộ về cung cấp và công bố thông tin nhằm đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo chính xác, kịp thời, đúng thời hạn. Thường xuyên trao đổi với đại diện phụ trách công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của các thông tin cần công bố.
Rủi ro về nguồn nhân lực	Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến cạnh tranh thu hút nhân sự; số lượng, chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những yêu cầu mới của ngành nghề	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV Xây dựng môi trường làm việc tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nguồn nhân lực. Đầu tư cho hoạt động đào tạo
Rủi ro về cạnh tranh	Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là nỗi lo của doanh nghiệp, khi hiện nay trên thị trường có rất nhiều doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực hoạt động, do đó ảnh hưởng đến doanh thu thị phần khách hàng của công ty	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng uy tín trong ngành lĩnh vực hoạt động bằng chất lượng và thời gian hoàn thành đúng theo hợp đồng.
Rủi ro kinh doanh thông thường	Rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, hàng tồn tăng cao.	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và tuân thủ các quy trình về bán hàng, mua hàng, triển khai hợp đồng,... nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh. Xây dựng chính sách kiểm soát công nợ khách hàng, xây dựng chính sách quản lý tồn kho.



Rủi ro liên quan đến các chính sách, pháp luật.	Những năm gần đây các chính sách liên quan đến giao thông nói chung và giao thông đường sắt nói riêng có rất nhiều thay đổi. Đặt ra nhiều thách thức trong việc chuyển đổi kịp thời để phù hợp với thời đại, pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> • Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật mới. • Mỗi cán bộ nhân viên phải luôn học hỏi, tìm hiểu sâu về vấn đề pháp lý liên quan đến công việc của bản thân • Hàng năm, chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD phù hợp với luật pháp
Rủi ro đặc thù ngành	<ul style="list-style-type: none"> • Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố. • Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chèn chèn gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hàng năm tổ chức các đợt học tập, kiểm tra về kiến thức nghề nghiệp, an toàn lao động. Kiểm tra sức khỏe 2 đợt/năm cho cán bộ công nhân viên công ty • Phối hợp với các cơ quan ban ngành liên quan tuyên truyền kiến thức cho người dân sống dọc 2 bên đường sắt.
Rủi ro khác	Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... Các rủi ro này khi xảy ra ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Về doanh thu và lợi nhuận: Năm 2020, doanh thu và LNST của công ty lần lượt đạt 151.986 tỷ đồng và 2,807 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 23,94% và 28,88% so với năm 2019; đạt 116,99% kế hoạch doanh thu và 112,28% kế hoạch LNST.

Về tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ và chi trả cổ tức: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ của công ty tiếp tục được cải thiện so cùng kỳ, đạt 22,83% (năm 2019 đạt 17,71%). Tỷ lệ trả cổ tức đạt 12,2%, tăng 16,19% so với năm năm 2019. Trong năm 2020, công ty đã hoàn thành chi trả toàn bộ cổ tức năm 2019.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục, chi tiêu	Thực hiện năm 2019	KH năm 2020 theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % năm 2020 so với 2019	Tỷ lệ % 2020 so với NQ
1	Doanh thu	122.631	129.919	151.986	123,94%	116,99%
	Trong đó					
	- Sản phẩm công ích	90.049	99.919	107.183	119,03%	107,27%
	- Sản phẩm ngoài công ích	32.582	30.000	44.803	137,51%	149,34%
2	Chi phí	120.452	127.419	149.209	123,87%	117,10%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.178	2.500	2.807	128,88%	112,28%
4	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	17,71%	20,33%	22,83%		
5	Tỷ lệ trả cổ tức	10,5%	12,2%	12,2%	116,19%	100%

Về nguồn hình thành doanh thu hiện tại của công ty vẫn chủ yếu đến từ sản phẩm công ích. Tuy nhiên cải thiện so với năm 2019, cơ cấu doanh thu từ sản phẩm ngoài ngành/ tổng doanh thu đã tăng. Điều này xuất phát sự cố gắng tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường của công ty năm 2020.



Ngoài ra, trong năm 2020, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã rất cố gắng trong việc thực hành tiết kiệm, giảm thiểu chi phí để khắc phục khó khăn chung của ngành đường sắt trong năm qua. Thu nhập bình quân lao động đạt 9,268 triệu đồng/người/tháng tăng 2,51% so với năm 2019.

❖ **Các chỉ tiêu so với kế hoạch**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Đánh giá
1	Doanh thu sản phẩm đặt hàng	99.919	107.183	Đạt 107,27%
2	Doanh thu sản phẩm ngoài đặt hàng	30.000	44.803	Tăng 49,34%
3	Thu nhập BQ người lao động	9.207	9.268	Đạt
4	Tỷ lệ Lợi nhuận/ Vốn điều lệ	Đạt 20,33%	Đạt 22,83%	Vượt

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Giá trị thực hiện
1	Máy chèn đường thủy lực XYD-2AIII	02	548.900.000
2	Máy xiết bu lông NLB-300	01	128.000.000
3	Xe ô tô tải trọng 1,5 tấn HUYNDAI	01	500.000.000
4	Sửa chữa goòng máy Z88	01	63.723.000
5	Máy xúc chạy trên 2 đường (Đường sắt và đường bộ)	01	3.585.000.000
6	Sửa chữa nhà làm việc cơ quan và mua sắm thiết bị hội trường	01	1.044.778.000
	Tổng giá trị		5.870.401.000

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

c) Công ty mẹ: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký số 5200152471, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/06/2014 tại Sở KHĐT Thành phố Hà Nội



- Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
 - + Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
 - + Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
 - + Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia;
 - + Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
 - + Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và sản phẩm cơ khí.
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ (tại thời điểm 30/06/2018): nắm giữ 627.085 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ.

3. Tình hình tài chính

❖ *Tình hình tài chính*

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng /giảm
Tổng giá trị tài sản	76,152	119,34	56,71
Doanh thu thuần	122,63	151,99	23,94
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,441	3,490	42,19
Lợi nhuận khác	0,297	(0,046)	-15,49
Lợi nhuận trước thuế	2,737	3,444	25,83
Lợi nhuận sau thuế	2,178	2,807	28,88

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2020 là 119,34 tỷ đồng, tăng 56,71% so với năm 2019.

Tiếp tục năm 2020, là năm công ty tiếp tục hoạt động có hiệu quả. Các chỉ tiêu Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng so với năm trước.



❖ **Một số chỉ tiêu tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1,09	1,23
	- Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	lần	1,01	1,07
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/ tổng tài sản	lần	0,86	0,80
	- Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	lần	6,32	4,12
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	lần	3,85	3,59
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,27	1,60
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,85	1,78
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	17,21	14,78
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	2,35	2,86
	- Hệ số Lợi nhuận từ HDDKD/ Doanh thu thuần	%	2,30	2,00



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

- Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty.

Năm 2020 Công ty tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, giá trị hợp đồng 109,919 tỷ đồng.

Công ty duy trì được mối quan hệ với các đối tác bạn hàng truyền thống.

- Khó khăn

Việc ký hợp đồng đặt hàng năm 2020 chậm, sản lượng hợp đồng đặt hàng là 109,919 tỷ đồng so với phương án tính đủ chỉ đạt 50% do vậy sẽ ảnh hưởng đến việc xây dựng tác nghiệp đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng đường sắt trên địa bàn.

Đối với sản xuất ngoài công ích việc cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành, cũng như việc tiết giảm vốn đầu tư XDCB của Nhà nước là những khó khăn rất lớn, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.



II. Kết quả đạt được trong năm 2020

1. Các chỉ tiêu chính đạt được

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2020 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2020
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	129.919	122.631	151.986	123,94	116,99
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	99.919	90.049	107.183	119,03	107,27
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	30.000	32.582	44.803	137,51	149,34
II	Tổng chi phí	Tr.đ	127.419	120.452	149.209	123,87	117,10
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.500	2.178	2.807	128,88	112,28
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12,2	10,5	13,0	123,81	106,56
V	Thu nhập BQ	1000đ/ng/thg	9.207	9.041	9.268	102,51	100,66
VI	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	12.296	100,00	100,00

2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư năm 2020

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Giá trị thực hiện
1	Máy chèn đường thủy lực XYD-2AIII	02	548.900.000
2	Máy xiết bu lông NLB-300	01	128.000.000
3	Xe ô tô tải trọng 1,5 tấn HUYNDAI	01	500.000.000
4	Sửa chữa goòng máy Z88	01	63.723.000
5	Máy xúc chạy trên 2 đường (Đường sắt và đường bộ)	01	3.585.000.000
6	Sửa chữa nhà làm việc cơ quan và mua sắm thiết bị hội trường	01	1.044.778.000
	Tổng giá trị		5.870.401.000



III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHCĐ 2020

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu đạt 151,9 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra; lợi nhuận đạt 2,807 tỷ đồng. Thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2020 đạt 9,268 triệu đồng/tháng/người. Tỷ lệ trả cổ tức 13,0%. Tốc độ chạy tàu bình quân 70,73 km/h được giữ vững theo công lệnh. Công ty thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao. Tất cả các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Đối với dự án đầu tư Máy xúc chạy trên 2 đường (Đường sắt và đường bộ) và dự án sửa chữa, cải tạo nhà làm việc, mua sắm thiết bị phòng hội trường, sau khi xem xét hiệu quả đầu tư, để sử



dụng kinh phí đầu tư có hiệu quả, 2 dự án đầu tư trên sẽ thực hiện vào đầu năm 2021.

- Về công bố thông tin: tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % so với năm 2020
I	Tổng doanh thu	Triệu.đ	151.986	176.000	115,80
	- Sản phẩm đặt hàng	Triệu.đ	107.183	109.174	101,86
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	Triệu.đ	44.803	66.826	149,16
II	Tổng chi phí:	Triệu.đ	149.209	172.900	115,88
III	Lợi nhuận sau thuế	Triệu.đ	2.807	3.100	110,44
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	13,0	13,6	104,62
V	Thu nhập BQ	1000đ/ng/th	9.268	9.845	106,00
VI	Vốn điều lệ	Triệu.đ	12.296	12.296	100,00

+ Đảm bảo an toàn chạy tàu, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng do chủ quan. Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng $V_{bq} = 70,73$ Km/h.

+ Xóc lắc trên tuyến đảm bảo các chỉ tiêu do Tổng công ty ĐSVN đề ra.



- + Không đề xảy ra cháy nổ do chủ quan; giữ gìn an ninh trật tự trong Công ty.
- + Hoàn thành khối lượng thi công sửa chữa đường sắt bằng các loại máy do TCT Đường sắt VN giao theo kế hoạch năm.
- + Tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh đạt trên 950 triệu đồng. Đóng góp 0,7% quỹ lương để xây dựng quỹ Xã hội.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Số lượng	Đơn giá	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
1	Ô tô bán tải	01	800	800	Vốn vay, vốn tự có
2	Sửa chữa nhà làm việc cơ quan và mua sắm trang thiết bị hội trường	01	970	970	nt
3	Máy xúc bánh lốp	02	1.650	3.300	nt
4	Máy chèn Trung Quốc	02	250	500	nt
5	Máy xiết cóc	02	128	256	nt
	Cộng			5.826	

3. Kế hoạch trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu.đ	2.807,37
2	Phân phối các quỹ doanh nghiệp		
-	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Triệu.đ	180
-	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	Triệu.đ	550
-	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu.đ	478,92
3	Tỷ lệ chia cổ tức 13,0%/VĐL	Triệu.đ	1.598,45



4. Kế hoạch lao động, tiền lương

4.1 Tổng số lao động kế hoạch (kể cả lao động thời vụ): 695 người. (Trong đó: Người quản lý chuyên trách: 07 người; người lao động trực tiếp: 688 người).

4.2. Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 81.277,4 triệu đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người lao động: 9.845 triệu đồng/người/tháng.

4.3. Tổng tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 2.059,9 triệu đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn Nhà nước: 29,48 triệu đồng/người/tháng; mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn Nhà nước: 22,54 triệu đồng/người/tháng.

4.4. Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 54 triệu đồng. Trong đó mức thù lao bình quân: 1.125.000 đồng/người/tháng

4.5. Quỹ tiền thưởng kế hoạch của người quản lý: 200 triệu đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Khó khăn:

Trong năm 2020, những diễn biến phức tạp của kinh tế trong nước, sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường của các doanh nghiệp cùng ngành nghề là những khó khăn, mà hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty gặp phải. Các dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

2. Thuận lợi:

Công ty có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty nên đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Kết quả doanh thu, chi phí, lợi nhuận

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2020 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2020
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	129.919	122.631	151.986	123,94	116,99
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	99.919	90.049	107.183	119,03	107,27
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	30.000	32.582	44.803	137,51	149,34
II	Tổng chi phí	Tr.đ	127.419	120.452	149.179	123,85	117,08
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.500	2.178	2.807	128,88	112,28
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12,2	10,5	13,0	123,81	106,56
V	Thu nhập BQ	1000đ /ng/th	9.207	9.041	9.268	102,51	100,66
VI	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	12.296	123,94	116,99



2. Quản trị nguồn nhân lực

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, qui định cho phù hợp với quy mô, đặc thù, tính chất ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tạo động lực, sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển Công ty.

Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ lực lượng lao động tại các đơn vị để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ và đảm bảo thu nhập bình quân theo nghị quyết đề ra. Điều chỉnh tăng tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, để người lao động yên tâm làm việc, lao động cống hiến cho công ty.

3. Quản lý hoạt động tài chính

Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của công ty, nguồn vốn lưu động ưu tiên tập trung cho sản xuất và đầu tư.

Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ theo hợp đồng đã có đủ thủ tục thanh quyết toán và các khoản vay cá nhân để thi công các công trình, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển, bảo đảm quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng, bảo đảm phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư ổn định, an toàn.

Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

4. Quản lý giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn khẳng định được chỗ đứng vững chắc đối với thị trường, khẳng định được thương hiệu và uy tín với khách hàng. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo điều hành trên cơ sở kiểm soát việc ký kết các hợp đồng kinh tế thông qua các nghị quyết, chủ trương định hướng cụ thể. Chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ



SXKD. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; Sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; Nỗ lực tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho Người lao động. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Giao quyền cho Ban điều hành thực hiện công tác khoán quản, khoán sản phẩm, khoán doanh thu và lợi nhuận, đã góp phần kích thích nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, củng cố uy tín, thương hiệu tạo sức hút đối với khách hàng, trong đó phải kể đến các đối tác, khách hàng lâu năm và khách hàng truyền thống.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Giá trị doanh thu đạt 151,896 tỷ đồng, tăng trên 12,4% so với năm 2019; Lợi nhuận đạt 2,807 tỷ đồng đạt 112,28% kế hoạch đề ra; Thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2020 đạt 9,268 triệu đồng/người/tháng. Tỷ lệ trả cổ tức 13,0%. Tốc độ chạy tàu bình quân 70,73 km/h được giữ vững theo công lệnh. Tất cả các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

5. Quản lý giám sát đầu tư

Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Kết quả thực hiện công tác đầu tư theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra:

STT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Giá trị thực hiện
1	Máy chèn đường thủy lực XYD-2AIII	02	548.900.000
2	Máy xiết bu lông NLB-300	01	128.000.000
3	Xe ô tô tải trọng 1,5 tấn HUYNDAI	01	500.000.000
4	Sửa chữa goòng máy Z88	01	63.723.000
5	Máy xúc chạy trên 2 đường (Đường sắt và đường bộ)	01	3.585.000.000
6	Sửa chữa nhà làm việc cơ quan và mua sắm thiết bị hội trường	01	1.044.778.000
	Tổng giá trị		5.870.401.000



6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu.đ	2.807,37
2	Phân phối các quỹ doanh nghiệp		
-	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Triệu.đ	180
-	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	Triệu.đ	550
-	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu.đ	478,92
3	Tỷ lệ chia cổ tức 13,0%/VĐL	Triệu.đ	1.598,45

7. Trả cổ tức, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

- Năm 2020 thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông là 10,5%/VĐL.

- Thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị là 1.500.000 đồng/người/tháng và các thành viên ban kiểm soát và thư ký Công ty là 1.000.000 đồng/người/tháng. Mức chi trả này đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

III. TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 63 phiên họp chính thức và các phiên họp mở rộng tới ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt của công ty, gồm các nội dung:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Thông qua một số quy chế nội bộ của Công ty

- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- Chỉ đạo Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời theo yêu cầu SX kinh doanh của Công ty.



- Các nội dung liên quan đến công tác cán bộ của Công ty.
- Sơ kết hàng tháng, thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, hàng quý năm 2020.
- Thông qua dự thảo chương trình, tài liệu đại hội và phân công tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Các nghị quyết của hội đồng quản trị đều đúng, trúng trọng tâm của từng giai đoạn, từng thời điểm, đưa ra các quyết sách quản trị, tổ chức chỉ đạo và điều hành kịp thời. Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, để đẩy mạnh tốc độ sản xuất kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty là một tập thể đoàn kết, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, thường xuyên bám sát và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đề ra. Trong hoạt động của mình mỗi đồng chí đã phát huy được trách nhiệm cá nhân, luôn có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được phân công phụ trách. Quan tâm xây dựng khối đoàn kết thống nhất tạo nên một tập thể đoàn kết, có uy tín.

Năm 2020, Ban điều hành đã chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD: Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; Sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; Nỗ lực tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho Người lao động. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật.



V.KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

1. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % so với năm 2020
I	Tổng doanh thu	Triệu.đ	151.986	176.000	115,80
	- Sản phẩm đặt hàng	Triệu.đ	107.183	109.174	101,86
	- Sản phẩm ngoài đặt hàng	Triệu.đ	44.803	66.826	149,16
II	Tổng chi phí:	Triệu.đ	149.209	172.900	115,88
III	Lợi nhuận sau thuế	Triệu.đ	2.807	3.100	110,44
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	13,0	13,6	104,62
V	Thu nhập BQ	1000đ/ng/th	9.268	9.845	106,00
VI	Vốn điều lệ	Triệu.đ	12.296	12.296	100,00

2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Số lượng	Đơn giá	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
1	Ô tô bán tải	01	800	800	Vốn vay, vốn tự có
2	Sửa chữa nhà làm việc cơ quan và mua sắm trang thiết bị hội trường	01	970	970	nt
3	Máy xúc bánh lốp	02	1.650	3.300	nt
4	Máy chèn Trung Quốc	02	250	500	nt
5	Máy xiết cóc	02	128	256	nt
	Cộng			5.826	



3. Các giải pháp

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2020, nhằm tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty, sao cho thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	219.860	17,88%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	220.083	17,90%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	2.563	0,21%

Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	100%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	100%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	100%

Năm 2020, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức họp các phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
- Thông qua một số quy chế nội bộ của công ty
- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của công ty theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty
- Thông qua các Báo cáo Tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2020

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập:

Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.



2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS	1.794	0,146%
2	Giang Tiến Duy	Thành viên BKS	769	0,06%
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	940	0,08%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020 Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), đưa ra các kiến nghị với HĐQT – Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2020, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

- Họp Ban Kiểm soát mỗi quý 01 lần (không kể các cuộc họp bất thường). nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.



3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2020

Thù lao HĐQT và Ban Giám đốc

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	0	341.000.000	341.000.000
2	Trần Như Thăng	Thành viên	18.000.000	316.700.000	334.700.000
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	18.000.000	227.484.681	245.484.681
	Cộng		36.000.000	885.184.681	921.184.681

Thù lao Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS		245.300.000	245.300.000
2	Giang Tiến Duy	TV. BKS	12.000.000	146.483.441	158.483.441
3	Nguyễn Thanh Tùng	TV. BKS	24.000.000	178.075.311	202.075.311
	Cộng		36.000.000	569.858.752	605.858.752

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Tính đến 31/12/2020, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Người nội bộ, người liên quan	Số cổ phiếu giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu
1	Nguyễn Việt Anh	CT.HĐQT	2.482	219.860
2	Trần Như Thăng	TV.HĐQT; GD	2.500	220.083

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty. Quy chế quản trị công ty được thông qua tại đại hội đồng cổ đông.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng

- Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang hoặc Led, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.



- **Tiêu thụ nước**

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như là vệ sinh kho bãi. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

2. Bảo vệ môi trường

- **Tuân thủ pháp luật về môi trường**

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường.

Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (nếu có).

Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường.

Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

- **Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ**

Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/năm

Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp

Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có

Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

3. Chính sách liên quan đến người lao động

• **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.

- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 01 lần/năm

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động



- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.

- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...

- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...

- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

- **Đảm bảo bình đẳng giới**

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.

- Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật

- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.

- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

- **Hoạt động đào tạo người lao động**

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2020 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV

- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV

- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	TÀI SẢN	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	112.423.302.646	68.339.257.024
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	33.657.219.081	3.121.810.589
1	Tiền	111	33.657.219.081	3.121.810.589
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	70.648.514.369	56.052.479.230
1	Phải thu của khách hàng	131	74.846.719.822	52.199.388.974
2	Trả trước cho người bán	132	132.750.000	363.340.000
3	Các khoản phải thu khác	136	1.321.561.273	6.708.319.451
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.652.516.726)	(3.218.569.195)
IV	Hàng tồn kho	140	7.950.624.976	9.015.756.240
1	Hàng tồn kho	141	7.950.624.976	9.015.756.240
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	166.944.220	149.210.965
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	105.810.534	148.119.454
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	61.133.686	1.091.511
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	6.911.892.456	7.812.675.216
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II	Tài sản cố định	220	6.278.401.689	7.254.784.591
1	Tài sản cố định hữu hình	221	6.278.401.689	7.254.784.591
	<i>Nguyên giá</i>	<i>22</i>	<i>27.154.381.205</i>	<i>26.509.017.569</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>	<i>(20.875.979.516)</i>	<i>(19.254.232.978)</i>
III	Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	454.545.455	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260	178.945.312	557.890.625
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	178.945.312	557.890.625
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	119.335.195.102	76.151.932.240



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	103.021.457.573	60.727.373.003
I	Nợ ngắn hạn	311	103.021.457.573	55.583.434.203
1	Phải trả người bán ngắn hạn	312	35.232.761.075	19.358.774.441
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	31.494.240.447	4.713.202.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.468.555.332	5.264.737.492
4	Phải trả người lao động	315	23.825.331.976	11.889.206.022
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.173.563.955	431.031.951
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.467.858.831	13.663.302.906
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	359.146.957	263.179.391
II	Nợ dài hạn	330	-	5.143.938.800
1	Phải trả nội bộ dài hạn	331	-	5.143.938.800
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16.313.737.529	15.424.559.237
I	Vốn chủ sở hữu	410	16.313.737.529	15.424.559.237
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12.295.790.000	12.295.790.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	1.210.575.709	950.575.709
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.807.371.820	2.178.193.528
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	-
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.807.371.820	2.178.193.528
I	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	119.335.195.102	76.151.932.240



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	151.837.049.976	122.028.259.580
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	151.837.049.976	122.028.259.580
4	Giá vốn hàng bán	11	130.497.756.244	103.512.185.260
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	21.339.293.732	18.516.074.320
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	139.630.965	151.317.909
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	168.788.000	513.850.651
	- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	168.788.000	513.850.651
8	Chi phí bán hàng	25	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.819.897.119	15.712.990.737
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.490.239.578	2.440.550.841
11	Thu nhập khác	31	9.458.203	450.995.521
12	Chi phí khác	32	55.612.648	154.513.777
13	Lợi nhuận khác	40	(46.154.445)	296.481.744
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.444.085.133	2.737.032.585
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	636.713.313	558.839.057
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.807.371.820	2.178.193.528
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.854	1.355
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	170.491.462.224	117.022.798.446
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02	(50.241.776.580)	(47.093.946.923)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(67.376.756.220)	(57.426.533.497)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(169.453.402)	(513.850.651)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.008.839.057)	(529.610.577)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.858.714.275	809.735.864
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.602.268.558)	(18.517.371.022)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.951.082.682	(5.898.778.360)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.099.909.091)	(503.000.000)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	38.936.363
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.000.000.000)	(35.000.000.000)
	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.000.000.000	35.000.000.000
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	139.630.965	151.317.909
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(960.278.126)	(312.745.728)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ đi vay	33	36.697.108.189	43.002.660.895
2	Tiền trả nợ gốc vay	34	(44.892.552.264)	(43.758.996.587)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36	(1.259.951.989)	(959.963.440)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.455.396.064)	(1.716.299.132)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	30.535.408.492	(7.927.823.220)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.121.810.589	11.049.633.809
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.657.219.081	3.121.810.589

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VINH PHÚ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Trần Như Hằng

